TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-PT
Ngày 05 tháng 8 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chinh;

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phi P, sinh năm 1982. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1982. (Có mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Phi P trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị N vào ngày 08 tháng 3 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu trong thời gian ngắn; đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh ở thôn D, được vài ngày thì anh vào đơn vị công tác, còn chị N ở với gia đình anh. Do không được tìm hiểu kỹ nên ngay sau khi kết hôn vợ

chồng đã luôn mâu thuẫn, thường xuyên xung đột, cãi cọ nhau. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không dung hòa được. Vì vậy, đến năm 2012 anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Trong quá trình giải quyết, Tòa án hòa giải, mọi người động viên và anh nghĩ các con còn nhỏ nên anh đã rút đơn để vợ chồng cùng nhau có gắng khắc phục. Nhưng sau khi rút đơn, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vẫn liên tục xảy ra và ngày càng căng thẳng, nên nay anh lại làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Việc chị N yêu cầu đoàn tụ vì yêu thương anh là không đúng. Vì nếu yêu thương anh thì chị N đã không làm anh mất mặt trước mặt mọi người, không làm đơn gửi đến các lãnh đạo cơ quan anh, không bêu riếu bố mẹ anh và không đưa chuyện gia đình anh lên mạng xã hội để cho mọi người biết, nói xấu gia đình anh trên mạng. Nhiều năm qua anh sống với chị N trên cơ sở chịu đựng lẫn nhau, không còn tôn trọng nhau. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh năm 10/01/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 18/4/2014. Hiện cả hai cháu đều đang ở với chị N; ly hôn anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng các cháu, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng/cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị N xác nhận phần kết hôn và con chung như anh P khai và trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, thỉnh thoảng cũng có va chạm do bất đồng trong cuộc sống. Đến năm 2012 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mẹ chồng bắt vợ chồng chị phải ủng hộ tiền để chị chồng làm nhà; chị yêu cầu gia đình chồng hỗ trợ tiền để vợ chồng chị mua đất ổn định cuộc sống, nhưng bố mẹ chồng không đồng ý hỗ trợ, khiến vợ chồng chị gặp rất nhiều khó khăn. Nay anh P yêu cầu ly hôn chị, chị đề nghị đoàn tụ vì vợ chồng sống phải nghĩ đến các con. Sở dĩ ngày 13/02/2020 chị ký biên bản thỏa thuận ly hôn với anh P vì chị muốn thoải mái nguyện vọng của anh P, cho anh P được toại nguyện. Nhưng sau đó chị lại nghĩ lại và đã thay đổi vì chị rất thương các con, hơn nữa chị vẫn còn yêu thương anh P nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh P khai, hiện tại các cháu vẫn đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi hai cháu, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con. Ngoài ra, anh P phải đóng toàn bộ các chi phí tiền học cho con.

Tài sản chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 239, Điều 243, Điều 247, Điều 248, Điều 249, Điều 254 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi P được ly hôn chị Ngô Thị N.

2. Về con chung: Giao các con Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 18/4/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01con/01 tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh P được quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 4 năm 2020, chị Ngô Thị N kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho anh Nguyễn Phi P được ly hôn chị. Chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh P để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau lo cho con cái.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng về đoàn tụ mà nhờ Tòa án can thiệp giúp. Nếu anh P cứ kiên quyết yêu cầu ly hôn thì chị cũng phải chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị Ngô Thị N trong thời hạn luật định, nên được Tòa án xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Chị Ngô Thị N kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm số: 10/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm

2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử cho anh Nguyễn Phi P được ly hôn chị. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh P để vợ chồng về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Nguyễn Phi P kết hôn với chị Ngô Thị N vào ngày 08/3/2010 trên cơ sở tự nguyện, có tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình; việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh P ở thôn D, được vài ngày thì anh vào đơn vị công tác, còn chị N ở với gia đình anh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu ngắn, chưa hiểu nhau, nên khi chung sống đã luôn bất đồng về quan điểm, không dung hòa được. Đã có lần anh P làm đơn yêu cầu ly hôn chị N nhưng trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải; gia đình, anh em, bạn bè tác động, nên anh đã rút đơn để vợ chồng đoan tụ. Nhưng sau khi rút đơn, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Do vậy, nay anh lại làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ngô Thị N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị vẫn còn yêu thương anh P và nguyên nhân anh P yêu cầu ly hôn chị chỉ vì anh quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Chị không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng về đoàn tụ mà nhờ Tòa án can thiệp giúp.

Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ để xác định anh P có quan hệ nam nữ bất chính như lời trình bày của chị N. Chị N cho rằng vợ chồng từ khi kết hôn cho tới nay không có mâu thuẫn gì. Nhưng chính lời khai của chị tại cấp sơ thẩm chị đã trình bày là anh P đã nhiều lần đánh chị (BL 34); tại phiên tòa phúc thẩm, chị N cũng trình bày là anh P có đánh chị và từ tháng 3/2020 cho đến nay vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ. Điều đó chứng tỏ rằng vợ chồng anh P chị N có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hơn nữa, trong lúc vợ chồng mâu thuẫn, chị N đã không có được giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng hòa thuận, mà còn đưa chuyện vợ chồng, gia đình nhà chồng lên mạng xã hội, gửi đơn đến nhiều nơi, nhắn tin gây sức ép yêu cầu anh P phải đưa tiền và xe cho chị nếu anh quyết định ly hôn chị, nếu không chị sẽ tố anh ngoại tình... làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng, chị N còn mâu thuẫn với bố mẹ chồng, bố mẹ chồng đều bất bình, phản đối với cách cư xử của chị N. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân làm gia tăng mâu thuẫn vợ chồng. Cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh P và chị N thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được và xử cho anh P được ly hôn chị N là có căn cứ và việc chị N đã đồng ý ký biên bản thỏa thuận ly hôn với anh P ngày 13/02/2020 tại Tòa án nhân dân huyện T là trên cơ sở mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với thực trạng đời sống chung của vợ chồng.

Kháng cáo của chị Ngô Thị N yêu cầu Tòa án xử bác đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Phi P để vợ chồng đoàn tụ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung và tài sản chung giữa anh P và chị N: Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Ngô Thị N và anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên anh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Ngô Thị N không được chấp nhận, nên chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 10/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 239, Điều 243, Điều 247, Điều 248, Điều 249, Điều 254 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi P được ly hôn chị Ngô Thị N.

2. Về con chung: Giao các con Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 18/4/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01con/01 tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh P được quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số: AA/2018/0000056 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0000106 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp